

# PHIẾU HỌC TẬP

Mã 4501



Ngày .....tháng.....năm

Họ và tên: ..... Lớp :.....

**Câu 1.** Một triệu được viết là:

- A. 1 000      B. 10 000      C. 100 000      D. 1 000 000

**Câu 2.** Số liền trước của số 1 000 000 là số:

- A. 9 999      B. 99 999      C. 999 999      D. 100 001

**Câu 3.** Số “Sáu mươi triệu” được viết là:

- A. 60      B. 60 000      C. 6 000 000      D. 60 000 000

**Câu 4.** Số 753 824 có chữ số 8 thuộc hàng

- A. Nghìn      B. Trăm      C. Chục      D. Đơn vị

**Câu 5.** Các chữ số thuộc lớp nghìn trong số 256 384 là:

- A. 2, 5, 6      B. 3, 8, 4      C. 2, 5      D. 3, 8

**Câu 6.** Số lớn nhất có sáu chữ số mà chữ số hàng trăm nghìn là 8 và chữ số hàng trăm là 7 là:

- A. 897 654      B. 897 9999      C. 800 070      D. 899 799

**Câu 7.** Số chẵn liền sau số 321 136 là:

- A. 321 134      B. 321 138      C. 321 139      D. 8

**Câu 8.** Số lẻ có sáu chữ số có lớp nghìn gồm các chữ số 1, 0, 0; lớp đơn vị gồm các chữ số 4, 5, 6 là:

- A. 100 456      B. 456 100      C. 100 465      D. 100 654

**Câu 9.** Số có chữ số 3 thuộc hàng trăm nghìn là:

- A. 103 456      B. 23 000 000      C. 30 500      D. 33 000

**Câu 10.** Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm .....

$$300\,000\,000 + 5\,000 + 5 \dots\dots\dots 3\,500\,005$$

- A. >      B. <      C. =



**Câu 11. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

a) 452 701; 452 703; 452 705 ; .....; .....; .....

b) 599 982; .....; 599 986 ;599 988; .....; .....

c) 500 000; 600 000; .....; 800 000; .....; .....

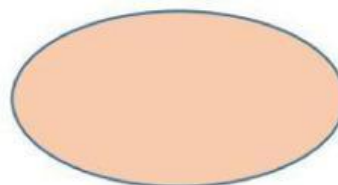
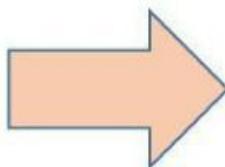


**Câu 12. Viết giá trị của các chữ số được gạch chân**

| Số      | 104 297 | 308 513 | 45 914 | 200 004 |
|---------|---------|---------|--------|---------|
| Giá trị | .....   | .....   | .....  | .....   |

**Câu 13. Đố bạn?**

a. Số lớn nhất có sáu chữ số khác nhau là:.....



b. Số bé nhất có 6 chữ số khác nhau là: .....

